

# TẠP GHI THÁNG TƯ: VẾT THƯƠNG



## TRẦN DOÃN NHO

Anh ạ! Tháng Tư mềm nắng lụa  
hoa táo hoa lê nở trắng vườn  
quê nhà hun hút sau trùng núi  
em mở lòng xem lại vết thương  
(thơ Trần Mộng Tú)

Trong đời tôi, tính ra, tôi trải qua ...bốn lần chạy. Mỗi lần chạy là một kinh nghiệm rất riêng.

Lần đầu tiên, thời điểm 1945-1946, tôi chạy giặc với tư cách là...một cậu bé con. Thay vì chạy và đi, thì tôi được gánh. Tôi một đầu, ngồi trong thúng. Đầu kia là một ít gạo và đồ đạc. Cứ thế, mẹ, chị và anh tôi thay nhau gánh, theo đoàn người, tản cư về một nơi vô định. Đêm tìm chỗ nghỉ chân, ngày lại đi, cuối cùng, dừng chân ở ngôi đình hoang thuộc một cái làng xơ xác, vắng hoe, nơi mà chính dân làng cũng...chạy giặc, chỉ còn lơ thơ mấy ông bà già ở lại giữ nhà. Hơn hai mươi năm sau, chạy giặc Mậu Thân. Cả gia đình tôi dắt díu nhau, không chỉ chạy, mà là chui, rúc, lẩn, trốn từ vùng bộ đội Cộng Sản chiếm đóng về vùng quốc gia. Đoạn đường không dài, chỉ 5,7 cây số nhưng là một biên giới sinh tử. Thật may mắn cho tôi và gia đình! Những ai không chạy thoát được nơi Cộng Sản chiếm, đã phải phải sống trong nỗi kinh hoàng của cuộc thẩm sát Mậu Thân.

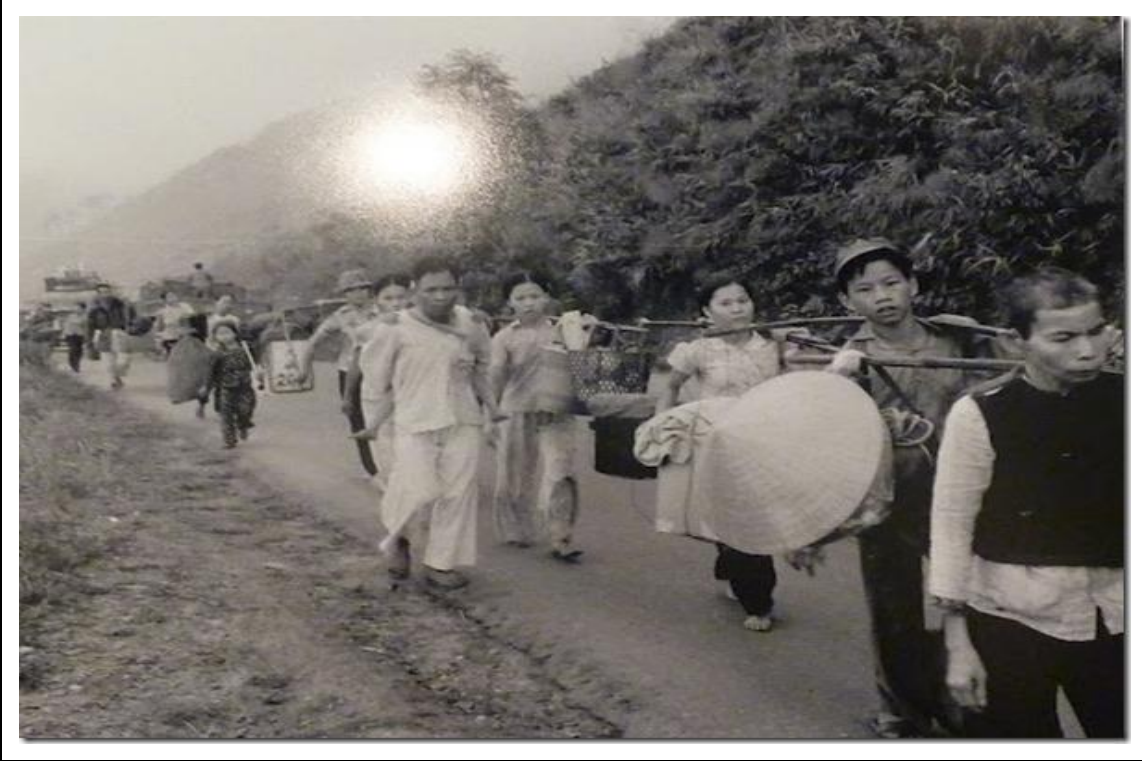
Bốn năm sau, mùa hè đỏ lửa 1972. Kinh nghiệm Mậu Thân đã mang cả Huế ra đi. Ngay lập tức. Không chần chừ. Không đắn đo. Không tiếc nuối. Khi nghe tin bộ đội Cộng Sản vượt sông Bến Hải, là Huế đã bắt đầu chạy. Hồi hải chạy, bằng mọi cách, mọi giá. Mang được gì thì mang, không mang được thì bỏ lại. Chỉ trừ các cơ quan quân sự và cơ quan nhà nước với một số nhân viên nòng cốt là làm việc, còn tất cả đều đóng cửa. Mà ngay những cơ quan mở cửa, nhân viên cũng chẳng có bao nhiêu, vì hầu hết đều phải lo mang gia đình đi trước đã. Chỉ trong vòng chưa tới một tuần lễ, Huế trống rỗng. Như một phép lạ. Sau khi đưa được

gia đình vào Đà Nẵng, tôi trở lại Huế. Chao ôi! Tôi chưa bao giờ chứng kiến một Huế lạ lùng dường ấy. Tôi chạy quanh Huế. Nhà bỏ. Đường không. Chợ trống. Phố lặng. Chỉ có những con ve Huế vô tâm, hoàn toàn chẳng biết gì đến nhân tình thế thái, cứ hát! Gió cũng thế, phát phơ. Nắng cũng thế, rực rỡ. Phượng cũng thế, nở đỏ. Thành quách hoang tàn ần ần, phơi mình dưới nắng, nằm im trong cái trống vắng lạ lùng, bất ngờ ngàn năm một thuở. Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng...cửa đóng, để lại những vĩa hè câm, ngơ ngẩn. Đâu rồi những khăn, những áo rộn ràng. Đâu rồi hơi người, hơi tóc. Chợ Đông Ba ử rử. Sông Hương sượng sùng. Cố nhìn, cố tìm, nhưng chẳng thấy gì. Ngay cả những người hành khất, những kẻ vô gia cư cũng biến mất. Trước đây, khi Huế tranh đấu, thành phố bị giới nghiêm, còn có cảnh “Người già co ro, chiều thiu thiu ngủ...em bé lỏa lồ, khóc tuổi thơ đi” (TCS), lần này ...nothing và nobody. Chỉ còn những con chó vô chủ chạy rong. Và bụi bay vô tình. Thỉnh thoảng mới thấy bóng một chiếc xe lính chạy ngang, tiếng máy nổ nghe đơn độc và lạnh lùng. Toàn khu Thành Nội im ắng rộn người, chạy xe vào, tưởng chừng như đang đi vào một khu lũng tăm bỏ hoang.

thành phố bỗng bé nhau  
vứt cả rực rỡ hè mới chớm  
rừng rừng bỏ chạy  
đi đâu?  
không biết đi đâu  
miễn là xuôi Nam  
để lại một cõi lặng  
không gian rỗng  
sàn diễn trống trơn  
những con chó mất chủ chạy rất tự do  
và vô vọng  
hàng phượng lạc loài  
chấp chới bay  
gió nắng rong chơi  
vòng vèo quanh nội thành âm ức

Yên, Huế rộn rã trở về.

Nhưng rồi, ba năm sau, 1975, chưa hoàn hồn, Huế lại chạy. Đúng hơn, cả miền Nam chạy. Từ đầu tháng Ba, dân đã chạy. Bất cứ chỗ nào nghe quân đội Cộng Sản sắp tiến vào là chạy. Từ cao nguyên chạy về đồng bằng, từ bắc chạy vào nam, từ các nơi chạy về Sài Gòn, từ đất liền chạy ra biển, từ Việt Nam chạy ra nước ngoài. Không hề có cảnh “từ bắc vô nam nối liền nắm tay” như Trịnh Công Sơn đã từng mơ mộng ngày nào! Chạy. Hễ còn chạy được là chạy. Đi bộ, đi xe, đi thuyền, đi tàu, đi máy bay, đi, đi, đi, đi đâu, miễn là thoát khỏi Cộng Sản. Chạy: biết bao thảm cảnh, nhất là thảm cảnh thuyền nhân rúng động thế giới. Chạy: một cuộc “bỏ phiếu bằng chân” vô tiền khoáng hậu.



Lần này, ra đi, trong thâm tâm, ai cũng đau đớn nghĩ rằng: Huế sẽ mất vào tay Cộng Sản. Thành thử, chạy là chạy...luôn, không bao giờ trở lại. Là bỏ Huế. Bỏ Huế! Chao ôi, hai chữ “bỏ Huế” nghe như nhát dao đâm ngay giữa trái tim. Nhưng làm sao được. Đành thôi, Huế ơi. Trong tâm trạng đó, vừa đưa được gia đình vào Đà Nẵng, tôi vội chạy Honda quay trở ra Huế. Nhưng không kịp nữa rồi! Đến đèo Phước Tượng, quốc lộ I bị cắt, đành phải theo đoàn người, trở ngược vào. Vài ngày sau, Huế mất. Ở Đà Nẵng chỉ được mấy hôm, ngày 29 tháng 3, thành phố lại được lệnh...bỏ. Đà Nẵng chật ních người của hai thành phố ở hai bên đèo Hải Vân, hoảng loạn. Kẻ xuôi, người ngược, hốt hơ hốt hã. Người tìm cách chạy vào phi trường, người thì lên đường tiếp tục xuôi Nam, người lại chạy ra biển.

Đến chiều tối, thấy thiên hạ rùng rùng đi, thế là dất dứ nhau đi, ra bờ biển Tiên Sa. Đêm đó, cả nhà túm tụm lại một chỗ, đợi. Đạn pháo Cộng Sản từ trên núi liên tục pháo kích, nhằm khủng bố người di tản ở bến cảng. Đạn rơi bên trái, bên phải, rơi trước, rơi sau. Bên này nổ, bên kia lại nổ. Tiếng người la, kêu khóc râm trời. May sao, hầu hết đạn đều rơi xuống...nước. Nhờ thế mà dân chạy giặc tránh khỏi một cuộc tắm máu. Đến khuya, không hiểu sao, pháo ngưng. Một chiếc xà lan quân đội từ ngoài khơi xa, ghé vào. Lên, bươn bả lên. Hàng ngàn người chông chất trong lòng chiếc xà lan nhỏ hẹp, chỉ chứa nhiều lắm là vài trăm người. Ra khơi. Tại đây, một chiến hạm của hải quân VNCH đang đợi. Người ta bắt hai dây cáp nối lên boong tàu. Từng người, từng người vịn hai sợi dây, lần lượt leo qua như đi xiếc. Khá nhiều người trật tay, rơi xuống nước, mất tích. Nhịn đói, chịu khát hai ngày thì tàu cập bến Cam Ranh. Hú hồn. Tin cho biết: chuyến xà lan đi sau không có tàu nào vớt, vật vờ ngoài biển, sau cũng tấp vào Cam Ranh, nhưng không còn ai sống sót.



Hai ngày sau, vừa tìm được nhà người bà con để tá túc thì nghe Cam Ranh sắp mất. Lại chạy. Nghe có tàu chở hàng Mỹ đậu ngoài khơi, dắt díu nhau ra bến cảng. Còn bao nhiêu tiền trút hết để được chủ nhân một chiếc ghe nhỏ nhận lời. Đưa được mẹ tôi và mấy đứa em vợ lên ghe, thì súng nổ loạn trên bến. Người ta giành giật ghe, bắn nhau. Chủ ghe sợ quá bèn cho nổ máy chạy. Tôi nhảy vội lên, ngoái lui, đưa hai tay kéo bà vợ (lúc đó đang mang thai đứa con đầu lòng), thì...chiếc ghe tách bến. Hai bàn tay chỉ cách nhau chừng vài tấc, cố với nhau mà đành chịu. Tuyệt vọng, nằng đưa tay ngoắc, còn tôi đứng sững đầu mũi ghe nhìn nằng và hai đứa em trên bờ, lại nhìn mẹ và mấy đứa em khác ngồi trong ghe, bất lực. Bóng những người thân yêu mờ dần trên bến. Nao lòng hết biết! Chiếc tàu chở hàng Mỹ lớn như một dãy cao ốc 9, 10 tầng. Dưới nước, ghe lớn ghe nhỏ vây quanh. Từ trên boong, người ta thả những tấm lưới lớn xuống để vớt người. Tôi đưa các đứa em lần lượt lên lưới. Không đủ chỗ, nên tôi và mẹ tôi đợi lần tới. Nhưng tàu quá đầy, họ ngừng bốc. Trong lúc vô kế khả thi, hai mẹ con đành liều mạng, níu những bậc thang bên sườn tàu, leo lên, cầu may. Ờ trời! Thế mà cả hai mẹ con đều lên đến boong tàu. Thú thật, tôi không biết sức mạnh nào đã khiến cho bà già 65 tuổi có thể thực hiện được một chuyện phi thường dường ấy! Từ trên nhìn xuống, người người vẫn còn chen nhau, cố leo, leo...Có người bám được. Có người rơi xuống. Trên mặt nước, đây đó, những chiếc đầu ngoi lên, chìm xuống...Cảnh ngoài hòa cùng nỗi riêng đau đớn khiến tôi trơ cứng, đứng lặng nhìn trời, mất hết cảm giác.

Tàu mang cả mấy chục ngàn người, cập đảo Phú Quốc. Chúng tôi được chuyển vào ở trong một trại tù binh, nơi trước đây giam giữ cán binh Cộng Sản bị bắt. Ở

đó 10 ngày, tôi tìm đường theo tàu hải quân đưa gia đình về Vũng Tàu. Và từ đó lên Sài-Gòn

Một chuyến chạy dài, quá dài, gần như đi vòng hết nửa đất nước. Sau này, tôi còn một lần chạy nữa, lần thứ năm: đi Mỹ. Dù đi có giấy tờ, có phép, đi bằng máy bay, nhưng thực chất vẫn là: Chạy.

Mà bây giờ, người Việt Nam, kể cả cán bộ Cộng Sản và con cái họ, vẫn còn Chạy. Qua hình thức ... chain migration

Chạy ! Chẳng ai muốn bỏ đất nước mình.

Chạy ! Khước từ một chế độ.

- KHOA HỮU : SỰ YÊN LẶNG CỦA CÁT BỤI

Khi chạy đến Sài Gòn thì Sài Gòn đang hấp hối.

Chiều 29 tháng Tư/1975, tôi cùng với một người bạn, anh Ng.Ư', rủ nhau lái Honda chạy quanh thành phố, xem "Sài Gòn của mình" lần cuối. Đông đúc, vội vã, hốt hơ hốt hải, Sài Gòn tan tác như đàn gà con mất mẹ. Gần tối, chúng tôi chạy ngang Dinh Độc Lập. Đậu xe bên lề đường, gần góc đường Hồng Thập Tự, tôi băng khuâng, đau đớn nhìn quanh khu vực, nơi đã từng là cơ quan đầu não của nhà nước Việt Nam Cộng Hòa.

dinh Độc Lập úa  
như phế tích âm thầm  
góc đường Hồng Thập Tự – Công Lý  
toán lính nhảy dù ngồi ăn cơm  
lá rơi trên tấm poncho  
lá rơi trên ga-men  
lá rơi thàng thốt  
chiếc áo trận nhòe  
ngậm ngùi lịch sử  
lá rơi, rơi  
mãi miết như đùa  
như trò chơi  
như mơ như thực  
cuộc phế hưng bunn rùn phận người.

Chao ôi, những người lính! Trong lúc cả nước miền Nam chạy thực mạng, chạy hốt hải, chạy trốn chết...thì nơi đây, vào những giây phút cuối cùng của cuộc chiến, những người lính nhảy dù này vẫn cứ làm nhiệm vụ, sẵn sàng chiến đấu, như ...bình thường. Cũng như tôi, nhất định họ biết rằng Sài Gòn sắp mất. Nhưng họ vẫn ở đó, cầm súng canh gác. Tôi bước tới, muốn làm một cử chỉ biết ơn, nhưng anh bạn tôi cản lại. Tôi vẫy tay. Một người lính vẫy tay lại. Trong nháy mắt, nhìn nhau ngậm ngùi. Đọc lịch sử, những tưởng chuyện phế hưng chỉ là của ai đó, thế mà bây giờ, mình ở trong cuộc!

Những người lính hôm đó, số phận họ bây giờ ra sao, ai còn ai mất?!

Ta làm thơ gửi thẳng cầm súng  
hơn triệu thẳng bỏ súng đi đâu  
đưa đến quê người đời lặn đạn  
ta quê nhà nhức vết thương sâu

Đó là bốn câu thơ của Khoa Hữu, người lính, người thơ. Trong số rất nhiều thơ của Khoa Hữu đăng rải rác ở nhiều tạp chí văn học hải ngoại, tôi nhớ nhất là bài “Sự im lặng của cát bụi”. Nó buồn. Nó đau. Nó lính. Rất lính. Nó chứa chất một nỗi bi phần mà chỉ những người đã từng gần bó cách này hay cách khác với một chế độ – dù còn bất toàn, nhưng đáng yêu – như chúng tôi, mới thấy thấm thía. Bài thơ khá dài, đến 27 đoạn. Xin trích lại một số đoạn:

(...)

Tháng hạ trong thịt xương ngấm độc  
bước hưng vong điểm mặt da vàng  
lại một nửa lưu tù rừng bắc  
nửa còn theo sóng vượt biển nam  
Đọc mùa thu oan hồn xác lá  
tro bụi bay ám khói vùng trăng  
đường tên mới, ta, người cũng lạ  
lời dáo gươm dậy cõi đất bằng

(...)

chiếc nón sắt quên đời lẫn lóc  
lỗ đạn tròn khoét vết đau thương  
người lính sau theo người lính trước  
đất vô danh cây cỏ vô hồn

(...)

Pháo lấp Khe Sanh, cắt đường Chín  
những hung tin không kịp báo về  
gió Hạ Lào cuốn cờ tướng niêm  
đá Trường Sơn đứng sững như mê

(...)

Cây súng trận trả về hậu cứ  
phòng xác Tổng Y Viện lạnh nằm  
tấm ảnh bóc từ quân bạ cũ  
dán lên tường hẹn chuyển lại thăm  
Người đi tử giấc mơ kinh sử  
một hồn trắng treo bóng giang đầu  
gió Sài Gòn tặng mùi thể sự  
nửa đời ta đắm nước sông sâu  
Ngày đi hiến máu cho An Lộc  
lính cũ đâu còn, lính mới quen  
vào đất chết buồn vui cũng hết  
bước chân ta cày xới đất lên  
Đàn quạ đói kêu trời độc địa  
lũ chó hoang tha miếng mồi người  
đưa chết ba ngày mắt vẫn mở  
đưa sống ba tuần thịt đã ôi

(...)

Đất ấy của ta, ta còn hiểu  
đồng đội của ta, ta còn đau  
giấy mực đời chép ra, ví thiếu  
lây da này viết đề tạ nhau...

Thật thấm thía vết thương tháng Tư!

Sau tháng 4/75, Khoa Hữu ở lại.

Khoa Hữu nói về chiến tranh bằng cái ưu uất của một người bại trận: tan rã, mất mát, bi phần.

Lính, bên này hay bên kia, gánh chịu mọi oan khiên lịch sử.  
Thắng, oan khiên là nỗi buồn cũ.  
Bại, oan khiên thành oan trái mới.  
Oan trái, một im lặng bất tuyệt: sự im lặng của cát bụi!  
Khoa Hữu mất tháng 4/2012. Sáu năm.  
Và Sài Gòn mất, bốn mươi ba năm. Vết thương, qua bao đổi thay, vẫn còn  
mưng mủ!

*Trần Doãn Nho*

NGUỒN : trích DA MÀU